

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2019/HNGĐ-ST

Ngày 09-7-2019

V/v ly hôn giữa

Anh C và chị T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiên;

Ông Bùi Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 9, xã V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm 9, xã V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(anh C, chị T xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12-5-2019, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn C và chị Lê Thị T đăng ký kết hôn ngày 16-8-2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm 9, xã V. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do từ tháng 12-2015, chị T đã bỏ ra ngoài ở với người

đàn ông khác, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Duy H, sinh ngày 12-01-2014. Hiện nay con đang ở với anh C, khi ly hôn anh C có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên khi ly hôn anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14-5-2019, bị đơn chị Lê Thị T có lời khai phù hợp với lời khai của anh C về thời gian vợ chồng kết hôn, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị T là do kinh tế khó khăn, thời gian chị T sinh con không đi làm được, anh C đi làm xa không gửi tiền cho chị lo chi tiêu sinh hoạt gia đình. Ngoài ra, giữa chị T và gia đình anh C cũng phát sinh những mâu thuẫn trong lối sống và phong cách sinh hoạt nên đã tạo cho chị T nhiều áp lực, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay anh C làm đơn xin ly hôn, chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh C nên chị nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị T có lời khai thống nhất với anh C về con chung. Hiện nay chị T đang làm công nhân, chưa có điều kiện về chỗ ở và các điều kiện khác để nuôi dưỡng con. Do đó, chị T nhất trí để con chung cho anh C nuôi dưỡng, chăm sóc và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị T có lời khai thống nhất với lời khai của anh C về tài sản và công nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Trần Văn C và chị Lê Thị T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh C, chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn C và chị Lê Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 16-8-2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do do kinh tế khó khăn, thời gian chị T sinh con không đi làm được, anh C đi làm xa không gửi tiền cho chị T lo chi tiêu sinh hoạt gia đình. Ngoài ra, giữa chị T và gia đình anh C có những mâu thuẫn

trong lối sống và phong cách sinh hoạt nên đã tạo cho chị T nhiều áp lực nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ tháng 12-2015, chị T đã bỏ đi làm ăn, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó cho đến nay. Nay anh C xin ly hôn, chị T nhất trí.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh C đối với chị T, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị T là trầm trọng, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng anh C, chị T không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Mặt khác, chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn tiếp tục chung sống với anh C. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, cho anh Trần Văn C được ly hôn chị Lê Thị T là phù hợp quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Trần Duy H, sinh ngày 12-01-2014, anh C đề nghị sau khi ly hôn, anh C tiếp tục được nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T đồng ý. Xét điều kiện hoàn cảnh hiện nay và nguyện vọng của hai bên thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung vẫn do anh C nuôi dưỡng, chăm sóc, chị T nhất trí với yêu cầu nuôi con của anh C do chị nhận thấy mình chưa có điều kiện về chỗ ở và các điều kiện khác để nuôi dưỡng con tốt hơn anh C. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu Trần Duy Tuyên cho anh C nuôi dưỡng, chị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh C là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] *Về tài sản và công nợ*: Anh C và chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Trần Văn C phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Văn C và chị Lê Thị T.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Duy H, sinh ngày 12-01-2014 cho anh Trần Văn C chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh C và được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền thăm con nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc

gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con (Cháu Trần Duy Tuyên đang ở cùng anh C).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0000418 ngày 14-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Ái